

## QUYỀN 40

Hỏi: Chân tâm vô tướng tại sao có cái thể bất không thường trụ lặng lẽ ?

Đáp: Dùng sự để nghiệm biết, nhờ dụng có thể rõ được. Sự có thể hiển lý, dụng có thể bày thể, như thấy sóng dậy là biết có nước. *Luận Thập Bát Không* nói: “Bồ-tát chẳng lìa bỏ không tu học định này chỉ vì thiện căn công đức vô tận. Vì sao ? Tất cả chư Phật trong vô dư niết-bàn cũng không bỏ môn thiện căn công đức, vì quả báo hữu lậu đã hết, thiện căn công đức vốn là hóa vật nên luôn có dụng này. Như Lai tuy nhập niết-bàn vẫn tùy theo cơ duyên chúng sinh ứng thân và hóa thân giáo hóa hàm thức là còn khởi tâm, vì thế chúng sinh bất tận nên cái dụng của ứng hóa cũng bất tận, vì vậy nói tuy vào vô dư mà chẳng bỏ thiện căn công đức. Hàng Nhị thừa nhập diệt không còn khởi tâm vì lòng từ bi nhỏ hẹp chẳng chịu hóa độ chúng sinh. Phật vào vô dư mà còn khởi tâm, vì chư Phật Bồ-tát với ba thân lợi vật vô cùng. Pháp thân Như lai chính là chỗ nương tựa của tất cả pháp vô lậu, cho nên nói chẳng lìa bỏ công đức. Do đó biết được trong niết-bàn còn có pháp thân lấy dụng chứng thể, đã thấy cái dụng ứng hóa bất tận cho nên biết thể của thân này thường trụ lặng lẽ vĩnh viễn không hư hoại. Như các sư phái Tỳ-bà-sa nói không có niết-bàn, không có tự tướng mà có thể nói không. Vì sao ? Vì có thể hiển bày sự dụng. Nếu chẳng y niết-bàn thì chẳng có trí huệ. Trí huệ chẳng có thì phiền não chẳng diệt niết-bàn đã có thể sinh đạo, đạo có thể diệt lậu hoặc đó là bản chất của niết-bàn. Đã thấy có diệt thì lẽ ra niết-bàn phải có bản thể cho nên chẳng được nói là không”.

Hỏi: Có thắng nghĩa nào tập hợp rộng rãi chính tông nhất tâm để người hậu học tiến tu chóng được vào đạo chăng ?

Đáp: Nếu dùng Tông Cảnh chỉ dạy người thẳng đến đạo tràng chóng chứng bồ-đề không còn quanh co. *Kinh Pháp Hoa* có kệ:

*Diễn nói nghĩa thật tướng,*

*Mở bày pháp nhất thừa,*

*Dẫn dắt các chúng sinh.  
Khiến chóng thành bồ-đề.*

Có bài tụng:

*Đi trong cảnh giới mình  
Đạt được cái cần được  
Đi trong cảnh giới người  
Như cá bị mắc cạn.*

Thế nên nếu sinh hoạt trong cảnh giới của mình như lấy vật của mình có gì khó! Nếu sinh hoạt trong cảnh giới của người thì không tự tại như vua mất nước, như chim xa bầu trời. Đây là cửa vào đạo của nghìn Thánh, con đường chứng chân của chư Phật. Nếu một khi được vào là hoàn toàn chân, địa vị phàm phu ngang với chư Phật. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Nương thừa báu này thẳng đến đạo tràng, có thể gọi là đón nhập đón siêu các thừa”. Và vì hàng tam thừa chẳng biết các trần chi là thức nên chấp ngoài tâm thật có cảnh giới. Phàm phu và nhị thừa tuy có phát tâm hướng đến sự giải thoát nhưng còn chấp có sinh tử đáng chán, niết-bàn đáng ưa, không rõ đạo lý duy tâm. Nếu biết tất cả pháp chi là thức lượng, xả bỏ cái chấp phân biệt ở ngoài sự thức. Đã rõ duy tâm, chóng hướng về lý, khác với tiệm ngộ cho nên luận nói: “Chóng hướng đến niết-bàn”.

Vả lại, phàm phu và nhị thừa chẳng biết a-lại-da, chỉ nương vào sức tư trì của phân biệt sự thức mà phát tâm tu hành. Vì không đạt bản nguyên nên hướng về đại bồ-đề đã xa lại càng xa nữa nên nói rằng tuần tự. Bồ-tát đã rõ bản thức a-lại-da thì nương vào sức tư trì của thức ấy mà phát tâm tu hành. Vì đạt bản nguyên nên hướng về bồ-đề đã gần lại càng gần nữa nên nói rằng nhanh chóng. Ý nghĩa được trình bày trong *Tông Cảnh* là bàn về diệu đạt tự tâm chứ không nói gì khác. Người chưa lĩnh hội thì nhờ văn ngôn để tự ngộ, vừa nghe liền tỏ ngộ, vừa thấy liền là đạo. Cho nên *Chỉ Quán* nói: “Vừa nghe lời này bệnh liền hết ngay”. Như kinh nói: “Phật bảo vị thần cây bồ-đề, thưở quá khứ có Phật hiệu là Bảo Thắng, sau khi

ngài diệt độ, trưởng giả Trì Thủy biết rõ các phương thuốc trị bệnh khổ. Trì Thủy có người con trai tên Lưu Thủy. Khi ấy trong nước bị thiên tai dịch bệnh, Lưu Thủy nghĩ cha mình tuổi già sức yếu không thể đi đến thành ấp tụ lạc xa xôi trị bệnh nên xin cha chỉ dạy các phương thuốc rồi chàng đi các nơi tuyên bố tôi là thầy thuốc giỏi biết trị tất cả bệnh. Mọi người nghe nói thế, các bệnh tật đều dứt trừ. Như nghe diệu cảnh đắc nhập Sơ trụ, dùng cảnh bất tư nghì vốn tự viên thành, luôn luôn hiển hiện. Bậc thượng căn vừa thấy liền thẳng tiến không nghi ngại, không chờ nói năng chỉ dạy nhiều lần. Như phẩm Hồi Hương *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

*Các nghiệp do chư Phật tạo tác  
Vô lượng vô biên đồng pháp giới  
Người trí chỉ dùng một phương tiện  
Thấu rõ tất cả không cùng tận.*

Vì thế nếu nhập Tông Cảnh, mắt đã tròn sáng tất cả đều chiếu soi, tự tâm quyết định không nhờ người khác; kho pháp mở rộng nơi thân mình, đèn trí treo cao tại linh đài, từng bước hiện pháp môn vô tận, từng niệm thành sáu môn ba-la-mật. Như *kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội* ghi: “Phật bảo Kiên Ý: Bồ-tát trụ Thủ lăng nghiêm tam-muội đời đời tự biết sáu môn ba-la-mật, không học hỏi từ người khác, dở chân hạ chân, thở ra thở vào niệm niệm thường có sáu môn ba-la-mật. Vì sao ? Kiên Ý, thân hạnh ấy của Bồ-tát đều là pháp. Kiên Ý, như các quan đại thần của vua đem trăm nghìn thứ hương giã nát làm bột; nếu có người tìm một thứ hương không hỗn tạp trong ấy có được chăng ?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Kiên Ý, Bồ-tát vì đem tất cả ba-la-mật xông, ướp thân tâm nên trong niệm niệm thường sinh sáu môn ba-la-mật. Kiên Ý, tại sao Bồ-tát trong từng niệm thường sinh sáu ba-la-mật. Kiên Ý, Bồ-tát ấy đều xả tất cả, tâm không tham đắm là bố thí ba-la-mật; tâm khéo tịch diệt hoàn toàn không tạo tác là trì giới ba-la-mật; biết tâm vô tướng, không bị các trần chi phối là nhẫn nhục

ba-la-mật; siêng quán sát tâm, biết tâm ly tướng là tinh tiến ba-la-mật; khéo điều phục tâm ý là thiền định ba-la-mật; quán tâm tri tâm, thông đạt tâm tướng là bát-nhã ba-la-mật. Kiên Ý, Bồ-tát trụ Thủ lăng nghiêm tam-muội trong từng niệm đều có sáu môn ba-la-mật”.

Hỏi: Y theo đạo vô vi tịch diệt này liền vào cửa tuyệt học tuyệt đãi, đâu chẳng phải là trầm không đoạn kiến ?

Đáp: Chưa vào cửa này thì chạm đâu cũng là hư huyền, đối chân lập tục, đối sắc rõ không. Vừa chứng tông này muôn duyên đều lặng, như con chim dù có màu sắc rực rỡ lao vào núi Tu-di cũng biến thành một màu vàng kim, như vị trời Tam thập tam thiên bị ném vào rừng tạp thì không còn phân biệt. Cho nên các pháp không có thể tính, do đối đãi mà thành, không đối đãi mà thành đối đãi. Nếu chấp có pháp do đối đãi thành thì chẳng thành đối đãi, vì có tự thể nên chắc chắn không nhờ đối đãi.

*Luận Trung Quán có kệ:*

*Pháp có, đối đãi thành*

*Chưa thành sao đối đãi ?*

*Đã thành, có đối đãi*

*Thành rồi, đối đãi chi ?*

Nếu pháp do đối đãi thành thì khi pháp ấy chưa thành là không. Không thì làm sao có do đối đãi. Nếu pháp trước đã thành, đã thành thì cần gì do đối đãi. Như thế là biết chưa thành và đã thành đều không có đối đãi. Khi ngộ nhập Tông Cảnh biết rõ hư không vẫn do huyền sinh thì làm gì có pháp đối đãi. Như *kinh Lăng Nghiêm* nói: “Nếu người quay về nguồn chân thì mười phương hư không đồng thời tiêu mất”.

*Kinh Bồ-tát Anh Lạc* ghi: “Phật bảo: Thiên tử, ngày xưa ta cầu đạo từ vô số kiếp phân biệt gốc ngọn chưa thể nghiên cứu hết một pháp định ý. Thế nào là một pháp ? Đó là vô niệm. Bồ-tát được vô niệm quán tất cả pháp không hình tướng. Thiên tử, ngày nay nhờ một hạnh này mà ta được thành Phật”. Muôn pháp đã không hình

tượng thì đối với cái gì gọi là có ? Có đã không thì đâu thể gọi là thường. Không rồi còn không gì nữa, dựa vào cái gì gọi là đoạn. Nếu ngoài tâm có pháp liền thành đoạn thường. Nếu ngoài pháp có tâm thì sao nói không hữu. Vì thế Phó đại sĩ nói:

*Anh chẳng thấy  
Tự tâm phi đoạn cũng phi thường  
Ở khắp mọi nơi mà chẳng trụ  
Cũng chẳng nương vào thuở trước sau  
Lại cũng chẳng tròn chẳng dài ngắn  
Lặng lẽ chẳng sinh cũng chẳng diệt  
Chẳng đen chẳng trắng chẳng xanh vàng  
Tuy còn suy tư biết các pháp  
Nhưng thực chẳng trụ trong một niệm  
Chúng sinh vào nhưng chẳng chỗ vào  
Tuy vào sáu đường không bị hại  
Người trí biết rõ sự việc này  
Thế nên gọi là Pháp trung vương.*

Vì thế kinh *Tư Ích* nói: “Nếu người sinh kiến chấp đối với pháp thì không thể thấy Phật. Thế Tôn, nếu người nhất định thấy niết-bàn thì người này không thể thoát sinh tử, vì sao ? Vì niết-bàn là dẹp trừ các tướng, xa lìa tất cả động niệm hý luận, cho nên nói về thành hoại, hữu vô đều là theo danh tự thế gian, không khác gì kiến chấp của ngoại đạo như con chó đuổi theo hòn đất làm sao đạt đến tự tông”. Danh tự như hòn đất, chân lý như con người. Con chó ngu si đuổi theo hòn đất danh tự; con sư tử trí tuệ theo đuổi chân lý không chạy theo danh tự, cho nên biết ngôn ngữ từ giác quán sinh; bật giác quán thì danh ngôn dứt; ngôn từ và tư duy bật thì sự đối đãi cũng mất luôn”.

*Trung Quán Luận Sớ* ghi: “Nói về môn tận và bất tận, nếu niệm niệm dứt diệt, diệt không thể thành; nếu niệm niệm tương tục, tục không phải mới thành; nếu niệm niệm dứt diệt, diệt chẳng phải mới

hoại; nếu niệm niệm tương tục, tục không thể hoại, cho nên tận và bất tận đều không có thành hoại.

Lại các pháp suốt ngày đêm niệm niệm thường diệt tận quá khứ như dòng nước chảy không dừng nên gọi là tận; việc này không thể nắm lấy, không thể nói năng như con ngựa hoang bản tính ngang tàng, làm sao có thể phân biệt nói có thành ?

Lại niệm niệm sinh diệt thường tương tục chẳng dứt nên gọi là bất tận, làm sao có thể phân biệt nói là thành. Thế nên tận cũng không thành, bất tận cũng không thành; đã không thành cũng không hoại. Vì vậy tất cả pháp còn không thành thì làm sao nói đoạn; thấy đều lấy thật tế làm định lượng thì không có biến đổi”.

Kinh hỏi: Thế nào là trí tuệ chân thật ?

Đáp: Không có tướng biến đổi. Như chúng sinh chẳng có tướng biến đổi, trí tuệ chân thật cũng thế.

Hỏi: Thế nào là tướng chúng sinh ?

Đáp: Hoàn toàn xa lìa danh tự hư giả là tướng chúng sinh. Tướng ấy không biến đổi cho đến như hư không chẳng có tướng biến đổi, tất cả pháp cũng chẳng có tướng biến đổi. Vì sao chẳng biến đổi ? Vì không hai, cũng chẳng phải không hai mới thành trí tuệ chân thật. Chỉ là không có hai chứ chẳng phải là có không hai. Như bài tụng trong *kinh Hoa Nghiêm* nói:

*Chẳng chấp pháp là hai*

*Cũng chẳng chấp chẳng hai*

*Nhị bất nhị đều là*

*Thấy đều là ngôn ngữ.*

Đây là biết tất cả ngôn ngữ đều từ giác quán sinh, vừa có giác quán liền hình thành đường nét màu sắc phát ra trên cảnh, khởi dậy trong tâm; tâm cảnh đối trị liền trở thành chất ngại. Nếu vào Tông Cảnh tự dứt sạch nói năng suy nghĩ, diệu chỉ ngậm thông, thấu rõ vô sở đắc.

Người tu hành hướng về Phật thừa, sau khi được ý chỉ mới có thể dùng tri kiến Phật đối trị những tập khí còn sót lại, đem nước

chính định rửa sạch cảnh thiên, dụng đa văn tuệ trợ giúp quán lực, cho đến tập tụng huân tu vạn hạnh để trang nghiêm. Nếu chưa vào Tông Cảnh thì không liễu ngộ tự tâm, cho dù đa văn tập tụng cũng không thành tựu. Như Thiện Tinh thọ trì đọc tụng 12 bộ loại kinh đạt được tứ thiên mà chẳng đạt vô sinh nên trở lại đọa địa ngục, như ngài A-nan đa văn mà không rõ thật tướng nên bị lưới dâm trói buộc, ngài Văn-thù quở trách. Cho nên trước tiên cần phải nhập chính tông rồi sau tu phúc trí, như lưu ly chứa mặt trăng báu, như ma-ni đặt trên lá phan mới được thông thấu không tỳ vết tuôn các thứ báu; mình người đều được lợi ích nào phải hư dối ?

Lại chân tâm tuyệt đãi vô tác này chẳng phải đoạn không, dẫn không. Tất cả vọng tâm của chúng sinh, tất cả huyễn pháp trên thế gian không thể dùng tình thức phân biệt nên gọi là không. Như bài kệ của hòa thượng Động Sơn:

*Thế gian lắm chuyện rối như tơ  
Chẳng hướng không môn gỡ đâu ra  
Nếu đợi cảnh duyên trừ dẹp hết  
Dụ như cây chuối của người xưa.*

Bàng cư sĩ có kệ:

*Thức lạc chúng sinh lạc  
Duyên trần luôn trói buộc  
Trí lạc Bồ-tát lạc  
Không ràng cũng không buộc  
Nếu có người phát tâm  
Cần phải học vô tác  
Đừng nói sợ lạc không  
Đắc không cũng không ghét  
Thấy quặng không thấy vàng  
Vào lửa mới biết lầm.*

Hòa thượng Hoàng Bá nói: “Không ai dám vào cửa này vì sợ rơi vào không, trông vào bờ bên mà thoái lui”.

*Chứng Đạo Ca* nói:

*Ôi thời đại xấu ác mạt pháp  
Chúng sinh phúc mỏng khó điều phục  
Cách xa Phật chừ tà kiến sâu  
Ma cường pháp nhược nhiều oan hại  
Nghe nói môn đốn giáo Như Lai  
Hận không diệt trừ cho vỡ nát  
Tâm này tạo thân này tổn hại  
Chẳng nên oán trách chi người khác  
Muốn khỏi chuốc lấy nghiệp vô gián  
Chớ phí báng chính pháp Như Lai.*

Hỏi: Người ngộ tâm tông tu hành có được tròn đầy hạnh Phổ Hiền chăng ?

Đáp: Tất cả lý trí vô biên hạnh nguyện đều không ngoài chân lông Phổ Hiền. Nếu thực sự vào Tông Cảnh cho đến tất cả chân lông trên thân phàm Thánh đều đầy đủ hạnh Phổ Hiền. Như tỳ-kheo Hải Tràng trong kinh Hoa Nghiêm nhập bát-nhã ba-la-mật cảnh giới thanh tịnh quang minh tam-muội đi kinh hành làm mặt đất nghiêng ngã, ngòi kiết già nhập tam-muội; lìa hơi thở ra vào không còn cảm giác tư duy, thân an ổn bất động; từ thân ấy phân ra nhiều thân khắp mười phương pháp giới, tất cả thức cúng dường tuôn ra vô lượng mưa pháp v.v...

Lại như tỳ-kheo Thiện Kiến bảo Thiện Tài: Lúc ta kinh hành, trong một niệm đều hiện tiền tất cả mười phương, vì trí tuệ thanh tịnh; trong một niệm đều hiện tiền tất cả thế giới, vì trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới.

Lại như Hỷ Mục quan sát chúng sinh dạ thân nhập môn đại thế lực phổ hỷ tràng giải thoát, tất cả chân lông trên thân xuất ra vô lượng thân vân biến hóa tùy theo chỗ ứng kia dùng diệu âm vì họ nói pháp phổ nhiếp vô lượng chúng sinh khiến được hoan hỷ và lợi ích.

Lại như Thiện Tài nhìn thấy trong mỗi chân lông trên thân Phổ Hiền đều có tam thiên đại thiên thế giới, phong luân, thủy luân,

địa luân, hỏa luân, biển cả, sông ngòi và các núi báu Tu-di, Thiết-vi, thôn xóm, thành ấp, cung điện, vườn tược, tất cả địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi Diêm-la, thiên long bát bộ, nhân cùng phi nhân, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, nhật nguyệt tinh tú, gió mây sấm chớp, đêm ngày tháng năm, chư Phật xuất thế, chúng hội Bồ-tát, đạo tràng trang nghiêm; những sự việc ấy thấy đều thấy rõ nơi thế giới này, tất cả mười phương thế giới đều thấy như thế. Như thấy mười phương thế giới hiện tại, tất cả thế giới quá khứ, vị lai cũng thấy như thế. Mỗi mỗi khác nhau mà không tạp loạn, như nói trên thân của Hải Tràng, trong một niệm của Thiện Kiến, trong chân lông của Phổ Hiền. Tất cả cảnh giới phạm Thánh, cõi nước tịnh uế trong mười phương pháp giới tận hư không giới không chỗ nào chẳng hiện. Còn như chúng Tông Cảnh thì không pháp nào chẳng hợp như cuộn những con sóng của biển cả thấm vào một giọt nước, như gom cõi nước trong mười phương nhét vào một hạt bụi.

Cổ đức nói: Vì cảnh giới của Giá-na là cửa huyền của những sự vi diệu, hàng tri thức nói hoài chẳng tận, Thiện Tài rót mãi không cạn, Văn Thù thể hội mà tịch tịch, Phổ Hiền chứng đắc mà trùng trùng. Vì sao ? Vì Văn Thù là thể như lý của tự tâm, thể thường lặng lẽ; vì Phổ Hiền là dụng như lượng của tự tâm, dụng khắp pháp giới.

Do đó *luận Bảo Tánh* nói có hai loại tu hành: một là như thật tu hành thấu rõ một vị đúng chân lý, hai là biến mãn tu hành biết rõ nhất tâm có Hằng sa pháp giới. Thế nên ngộ tâm chân như vô tận thành tựu được hạnh Phổ Hiền vô tận, còn gọi là phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong. Nếu như chẳng thấu rõ điều này mà tu hành thì chẳng những không có hạnh môn Phổ Hiền cho đến tam quy ngũ giới v.v...tất cả các môn tiên tu đều chẳng thành tựu, vì không đạt được cội gốc. Vì vậy *kinh Pháp Hoa* nói: “Nếu người không thể thấy nghe, đọc tụng, thụ trì, cúng dường kinh Pháp Hoa này, nên biết người ấy chưa khéo thực hành đạo Bồ-tát, vì mình người có ngăn cách, chỉ là tâm ái kiến, chưa đạt nhất thừa làm sao thành hạnh đồng thể”. Lại nói: “Kinh này khó trì, nếu người nào tạm trì ta rất

hoan hỉ, chư Phật cũng thế. Người ấy được chư Phật khen ngợi là dũng mãnh, là tinh tiến. Đây gọi là người trì giới thực hành hạnh đầu-đà, chóng được Phật đạo vô thượng, cho nên biết thấy tính tu hành thì sẽ đầy đủ muôn hạnh”.

*Kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Bồ-tát hạnh là Như Lai tính, Như Lai tính là Bồ-tát hạnh”. Nếu thấu rõ ý chỉ này mới gọi là viên tu, quyền giáo không tư duy địa vị thấp cao, khen một niệm tùy hỷ phúc còn vô lượng huống chi chính niệm tu hành vì người khai thị. Cho nên *Văn Cú Sớ* giải thích: Một niệm tùy hỷ là chính mình chưa thực hành, chỉ tùy hỷ pháp và người công đức còn nhiều huống là thực hành? Tâm tùy hỷ có hai:

- Nếu nghe khai quyền hiển thật, tức là trong một niệm hiểu rõ lý phi quyền phi thật, tin tri kiến Phật; lại còn hiểu rõ quyền thật sự lý viên dung; tuy có tính phiền não mà hay biết kho bí mật của Như Lai, đây là nói tùy hỷ theo chiều dọc.

- Nếu nghe ý chỉ khai quyền hiển thật, tức là đối với nhất tâm hiểu biết tất cả tâm, còn hiểu tất cả pháp đều là Phật pháp không chướng ngại. Nếu phân biệt luận nói không cùng tận tháng này qua năm nọ xoay vần bất tận; tuy chưa được tâm tùy hỷ chân thật, có thể hiểu như thế; pháp đã như thế thì người cũng vậy, đây gọi là nói tùy hỷ theo chiều ngang.

Tức ngang mà dọc, tức dọc mà ngang, cho nên *kinh Đại Niết-bàn* nói: “Thà nguyện nghe ít mà hiểu nhiều nghĩa vị”, chính là ý này. Cho nên biết vừa nghe nói nhất tâm có thể sinh tâm tùy hỷ thì thấu suốt các pháp không thiếu sót, đáng gọi là một nghe nghìn ngộ, được đại tông trì, đối với tâm phàm phu hay sinh viên tín, công đức suy lường chỉ có Phật mới biết. Cho dù ngoại đạo được ngũ thông có thể dời non lấp biển mà chưa điều phục kiến ái cũng không bằng người được noãn pháp. Hàng Nhị thừa vô học sinh tử đã thoát nhưng vẫn bị niết-bàn trói buộc, không biết nhân quả ấy đều là quyền. Hàng Thông giáo tu nhân tuy khéo nhưng phát tâm chẳng biết năm trăm do-tuần đặc quả chỉ trừ Tứ trụ ra. Hàng Biệt

giáo tuy hơn Nhị thừa nhưng tu nhân thiên về một bên, lại vụng về nên không được Phật khen ngợi, chẳng bằng bậc nhất niệm viên tín mới tùy hỷ.

*Chỉ Quán* nói: “Có thể nhập duy tâm quán như thế đầy đủ tất cả pháp môn, bao gồm tất cả quy củ. Người sơ tâm tu hành đến chỗ siêng cầu đạo nhiều kiếp của Tát Vân Cái Như Lai, chỗ đạo tràng diệu ngộ là đây”. Cho nên biết đường lối tuy khác biệt nhưng nhất tính không khác; nếu chưa trở về tự tâm thì trọn không phải cứu cánh. Hễ có tâm cảnh tạo tác chẳng mất đều phải đọa luân hồi, chẳng vào nơi chân thật.

*Luận Đại Trí Độ* nói: “Lại nữa, như tính chất của nước là chảy xuống trở về biển cả hợp làm một vị, các pháp cũng thế, tất cả tông tướng biệt tướng đều quy về pháp tính cùng làm một tướng, đây gọi là pháp tính. Như kim cương ở tại đỉnh núi dần dần xuyên xuống đến lớp đất kim cương đến tự tính thì dừng; các pháp cũng như thế, trí tuệ phân biệt suy tìm cho đến trong chân như, từ chân như vào tự tính như, chẳng có các pháp hí luận gốc ngọn sinh diệt, đây gọi là pháp tính. Lại như con nghé kêu gào tìm kiếm trâu mẹ đến khi nào gặp được mới thôi, các pháp cũng như thế, các thứ sai khác thủ xả bất đồng đến được tự tính, không còn chỗ nào hơn, đây gọi là pháp tính. Tất cả Bồ-tát cầu đạo tu hành, nếu chưa đến Tông Cảnh thì tâm mãi không dừng nghỉ. Cho nên Tông Cảnh đại khái có hai ý: một là đốn ngộ tri tông, hai là viên tu biện sự.

*Kinh Thủ Lăng Nghiêm* ghi: “Phật quở A-nan: Ông không chịu khó siêng năng tu hành, tuy ghi nhớ mười hai bộ loại kinh, diệu lý thanh tịnh như cát sông Hằng của mười phương Như Lai càng thêm hí luận. Ông tuy bàn luận về nhân duyên tự nhiên quyết định rõ ràng, thế gian gọi ông là đa văn bậc nhất, vì nhiều kiếp huân tập đa văn nhưng khó tránh khỏi nạn Ma-đăng-già, đâu phải nhờ đến thần chú Phật Đảnh của ta dập tắt lửa dâm dục trong tâm Ma-đăng-già để cô ấy đắc quả A-na-hàm; ở trong pháp của ta thành khu rừng tinh tiến, sông ái dục cạn khô khiến ông giải thoát. Thế nên A-nan,

tuy ông nhiều kiếp ghi nhớ Như Lai bí mật diệu nghiêm nhưng không bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa lìa hai thứ khổ thương ghét ở thế gian. Như Ma-đăng-già đời trước là dâm nữ, nhờ sức thần chú tiêu trừ ái dục, ở trong pháp ta trở thành tỳ-kheo-ni; cùng với bà Da-du-đà-la mẹ của La-hầu-la đồng ngộ túc nhân, biết nhiều đời do tham dục là khổ, một lòng huân tu thiện pháp vô lậu nên hoặc được giải thoát, hoặc được thụ kí, tại sao ông tự dối mình vẫn còn thấy nghe ?” (...) A-nan đã khai ngộ rồi sau đó còn thưa hỏi con đường tu hành vi diệu.

Kinh nói: “Bạch Thế Tôn, tuy con nương vào pháp âm biết Như Lai tạng diệu giác minh tâm trùm khắp mười phương, gồm chứa mười phương cõi nước Như Lai, cõi nước thanh tịnh bảo nghiêm của Giác vương; Như Lai lại trách con chỉ đa văn không lo tu tập, con như kẻ lưu lạc, chợt được thiên vương tặng cho ngôi nhà đẹp đẽ. Tuy được ngôi nhà lớn nhưng phải nhờ cửa mới vào được, cúi mong Như Lai xót thương chỉ dạy cho con những chỗ tối tăm để con xả bỏ tiểu thừa, rốt ráo được vô dư niết-bàn Như Lai, con đường căn bản của sự phát tâm.

Phật bảo A-nan: Các ông nếu muốn bỏ Thanh văn tu Bồ-tát thừa nhập tri kiến Phật thì cần phải xem xét kỹ nhân địa phát tâm với quả địa chính giác là đồng hay là khác ? A-nan, nếu nơi nhân địa lấy tâm sinh diệt làm bản nhân tu hành cầu Phật thừa bất sinh bất diệt, việc ấy không bao giờ có. Do nghĩa này ông nên soi thấy các pháp tạo tác khí thế gian đều biến diệt. A-nan, ông quan sát các pháp thế gian cái gì là không hư hoại, nhưng đâu bao giờ nghe nói hư không hư hoại, vì sao ? Vì hư không chẳng phải do tạo tác”.

Giải thích: Chính ý của chư Phật nói trong các kinh Đại thừa là từ hôm nay những người theo Phật thừa trước hết phải lấy sự tỏ ngộ tự tâm bất sinh bất diệt làm nhân rồi sau đó dùng ý chỉ vô sinh tri liệu tất cả. Do đó *luận Hoa Nghiêm* nói: “Nếu có tập khí phải đem tri kiến Phật điều trị. Nếu không nhập tri kiến Phật thì dù có tu hành cũng chỉ là chiết phục, hoàn toàn không thể vào dòng Như

Lai”. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Khai thị ngộ nhập tri kiến Phật chỉ là ở trong tâm chúng sinh mà luận khai thị vì tri kiến Phật ở trong tâm chúng sinh”. Như trong *Tông môn từ trước cũng nói trước phải biết có rồi sau mới gìn giữ*. Lại nói: Trước sau cần phải tương xứng, không thể lý hạnh có khiếm khuyết, tâm miệng trái nhau mà vào được tông của ta, việc ấy không bao giờ có. Nếu như chưa ngộ lý vô sinh tự tâm, chỉ lấy tâm sinh diệt làm nhân mà muốn cầu quả vô sinh như nấu cát thành cơm, trồng trái đắng mà cầu quả ngọt, nhân quả bất đồng, thể dụng đều mất, tà tu vọng tập giống như 96 thứ ngoại đạo, bệnh mắt sinh hoa đốm, theo tịch chấp quyền, như người tu tam thừa nhọc tinh thần phí sức lực. Nếu vào *Tông Cảnh lý hạnh đầy đủ*, có thể gọi là lương y trị bệnh nhị kiến, là mặt trời trí tuệ của Phật. Cho nên *kinh Đại Niết-bàn* nói: “Như sương mù tuy giăng mờ đến trưa nhưng khi mặt trời lộ dạng màn sương dần tan. Thiện nam, các nghiệp ác của chúng sinh cũng như thế, thể lực trụ thế của nó không thể tồn tại khi mặt trời Đại niết-bàn xuất hiện sẽ trừ diệt tất cả nghiệp ác”.

Hễ chưa gặp mặt trời chính pháp *Tông Cảnh* thì những việc tu hành tam-muội trước kia quy về biển nhất tâm thật trí đều là vô thường, không thành thượng thiện, vì chưa phải cứu cánh. Như *kinh* nói: “Thiện nam, dù tu tất cả thiên định trong khế kinh mà chưa nghe *kinh Đại Niết-bàn* thì những gì nói ra đều là vô thường”. Khi nghe *kinh* này tuy có phiền não mà như không phiền não là có thể làm lợi ích cho tất cả trời người. Vì sao ? Vì biết rõ mình có Phật tính, đây gọi là thường. Lại nữa, thiện nam, cũng như các dòng sông đều chảy về biển, những thiên định tam-muội trong tất cả khế kinh đều quy về *kinh Đại Niết-bàn*, vì sao ? Vì rất ráo khéo nói có Phật tính. Do đó vừa biết có Phật tính tự nhiên giải hạnh tương ưng như giăng lưới bắt cá; nếu chỉ hiểu mà không hành như đào giếng không có nước, chỉ hư rỗng không thật chất như có mây mà không mưa. Thế nên bộ *Lục* này chuyên dạy tu tập đạo Bồ-tát, viên mãn môn *Phổ Hiền*, biên tập rộng rãi lời vàng liễn nghĩa, di chỉ của *Tiên đức*

khiến mọi người tin thuận cùng đạo tương ưng, bao gồm thí chung tự tha đều lợi ích, vì chân như nhất tâm vô tận nên pháp nhĩ như thị, thuận tính tinh tiến thực hành, tự nhiên viên mãn tất cả trí tuệ, tất cả từ bi, tất cả tam-muội, tất cả thần thông, tất cả hạnh nguyện, tất cả nhân quả, tất cả lý sự, tất cả quyền thật, tất cả hành bố, tất cả viên dung. Thế nên *luận Hoa Nghiêm* nói: “Kinh ghi Bồ-tát Pháp Vân địa tùy theo niệm lực của tâm lớn nhỏ tự tha tương nhập; ít nhiều lớn nhỏ xen nhau, thần thông đức dụng tự tại đều tùy tâm niệm của mình mà thành tựu, như cảnh giới tác dụng của tất cả chúng sinh đều do tự tâm chấp nghiệp làm thành. Các quả báo thiện ác trời người, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ đều do tâm tạo. Như Bồ-tát Thập địa dùng sức đại trí vô tác của pháp thân tùy theo tâm niệm mà nhất thời tự tại thấy biết tất cả mười phương; lấy phổ quang minh trí làm thể, vì trí thể vô y xứng tính bao trùm pháp giới đồng hư không đầy khắp mười phương thế giới. Vì trí vô tính nên đại dụng tùy niệm, vì trí không quên nên tùy niệm đều thành, vì có đủ tổng biệt đồng dị thành hoại cùng tạo tác, vì trí rộng hẹp lớn nhỏ tự tại nên hóa thông vô ngại, vì cùng với tất cả chúng sinh đồng trí thể nên có thể biến hiện tất cả cảnh giới chúng sinh toàn là cõi tịnh độ, vì là trí tự tha không hai nên một thân biến ra nhiều thân, nhiều thân hợp thành một thân, vì pháp thân không lớn nhỏ là trí lìa hạn lượng nên một chân lông có thể chứa cả cõi Phật, vì trí vô phương vô biên đồng hư không nên một niệm hiện sinh mười phương mà không vắng lai, vì trí như tiếng vang nên hay hưởng ứng, đối hiện cùng chúng sinh hiện hình, vì là trí đầy đủ phúc đức nên hằng trụ cõi Phật mà thường ở chung với tất cả chúng sinh. Nếu chẳng phải nhờ sức gia trì của Phật thì chúng sinh không thể thấy”.

*Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Phật tử, ví như có người đem báu ma-ni gói trong chiếc áo màu. Báu ma-ni ấy tùy đồng màu áo song chẳng mất đi tự tính của nó. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như thế, thành tựu trí tuệ cho là tâm bảo, quán tất cả trí sáng suốt hiển hiện nhưng chẳng bỏ các hạnh Bồ-tát, vì sao ? Bồ-tát ma-ha-tát phát thệ

nguyện lớn, làm lợi ích tất cả chúng sinh, độ thoát tất cả chúng sinh, phụng thờ tất cả chư Phật, nghiêm tịnh tất cả thế giới, an ủi chúng sinh đi vào biển pháp, làm thanh tịnh cõi chúng sinh, hiện đại tự tại, bố thí cho tất cả chúng sinh, soi chiếu khắp thế gian, vào nơi pháp môn huyền hóa vô biên chẳng thoái chẳng chuyển, không mệt không chán. Phật tử, ví như hư không giữ gìn các thế giới hoặc thành hoặc trụ, không chán không mỏi, không được không hư, không tan không hoại, không biến không đổi, không sai biệt mà chẳng bỏ tự tánh, vì sao ? Vì tự tính hư không như thế! Bồ-tát ma-ha-tát cũng như thế, lập vô lượng đại nguyện, độ tất cả chúng sinh không mệt mỏi. Lại nữa Phật tử, với tự tính này Bồ-tát ma-ha-tát khai thị tính vô sai biệt của tất cả Như Lai, đây là môn phương tiện vô ngại có thể sinh ra chúng hội Bồ-tát. Pháp này chỉ là cảnh giới tam-muội, nó có thể tiến mạnh vào tất-bà-nhã, nó có thể mở ra các môn tam-muội, nó có thể vô ngại vào các cõi, nó có thể điều phục tất cả chúng sinh, nó có thể trụ nơi không có chúng sinh, nó có thể khai thị tất cả Phật pháp, nơi cảnh giới đều vô sở đắc. Tuy diễn nói khai thị mọi lúc mà luôn xa lìa vọng tưởng phân biệt. Tuy biết các pháp không do tạo tác mà hay thị hiện tất cả tác nghiệp. Tuy biết chư Phật không có hai tướng mà hay hiển bày tất cả chư Phật. Tuy biết không có sắc mà diễn nói các sắc; tuy biết không có thụ mà diễn nói các thụ; tuy biết không có tưởng mà diễn nói các tưởng; tuy biết không có hành mà diễn nói các hành; tuy biết không có thức mà diễn nói các thức. Bồ-tát luôn dùng pháp luân khai thị tất cả; tuy biết pháp vô sinh mà thường chuyển pháp luân; tuy biết pháp vô sai biệt mà nói các môn sai biệt; tuy biết các pháp không có sinh diệt mà nói tất cả tướng sinh diệt; tuy biết các pháp không thô không tế mà nói các tướng thô tế; tuy biết các pháp không có thượng trung hạ mà hay nói pháp tối thượng; tuy biết các pháp không thể nói mà hay diễn bày lời lẽ thanh tịnh; tuy biết các pháp chẳng trong chẳng ngoài mà nói tất cả các pháp trong ngoài; tuy biết các pháp chẳng thể liễu tri mà nói các thứ trí tuệ quan sát;

tuy biết các pháp chẳng chân thật mà nói đạo lý xuất ly chân thật; tuy biết các pháp rốt ráo vô tận mà hay diễn nói hết các pháp hữu lậu; tuy biết các pháp không trái không cãi song tự tha cũng đều sai biệt; tuy biết các pháp rốt ráo chẳng có thầy mà thường tôn kính tất cả sư trưởng; tuy biết các pháp chẳng do người khác mà ngộ song vẫn tôn kính các bậc thiện tri thức; tuy biết các pháp chẳng chuyển mà chuyển pháp luân; tuy biết các pháp chẳng sinh khởi mà bày các nhân duyên; tuy biết các pháp chẳng có thuở trước mà nói nhiều về quá khứ; tuy biết các pháp chẳng có thuở sau mà nói nhiều về vị lai; tuy biết các pháp chẳng có khoảng giữa mà nói nhiều về hiện tại; tuy biết các pháp chẳng có tác giả mà nói các tác nghiệp; tuy biết các pháp chẳng có nhân duyên mà nói các tập nhân; tuy biết các pháp chẳng có so sánh mà nói đạo lý bình đẳng bất bình đẳng; tuy biết các pháp chẳng có ngôn thuyết mà quyết định nói pháp ba đời; tuy biết các pháp chẳng có chỗ y cứ mà nói y cứ thiện pháp để được xuất ly; tuy biết pháp chẳng có thân mà nói nhiều về pháp thân; tuy biết chư Phật ba đời vô biên mà diễn nói chỉ có một vị Phật; tuy biết pháp không sắc mà hiện các thứ sắc; tuy biết pháp không kiến mà nói nhiều về các kiến; tuy biết pháp không tướng mà nói các thứ tướng; tuy biết các pháp chẳng có cảnh giới mà nói nhiều cảnh giới trí tuệ; tuy biết các pháp chẳng có sai biệt mà nói hành quả các thứ sai biệt; tuy biết các pháp chẳng có xuất ly mà nói các hạnh xuất ly thanh tịnh; tuy biết các pháp xưa nay thường trụ mà nói các pháp lưu chuyển; tuy biết các pháp chẳng có chiếu soi mà thường nói nhiều các pháp chiếu soi.

Giải thích: Ví như hư không giữ lấy các thể giới hoặc thành hoặc trụ, không chán không mệt là vì trí Phổ Hiền thấu tỏ tất cả pháp đều như tính hư không. Tính hư không là thân phàm Thánh, chỉ vì chúng sinh chẳng rõ mê sinh tử biến thành căn trần, Bô-tát có thể đối hiện sắc thân ứng hóa nói pháp, cho nên nói rằng thân tướng Phổ Hiền như hư không.

Lại có bài kệ nói:

*Tâm nghe khắp mười phương  
Sinh ra nhân lực lớn.*

Lại có bài kệ nói:

*Không sinh trong đại giác  
Như hòn bọt trong biển cả.*

Nên biết hoặc pháp hoặc hạnh đều là tâm tính của ta cũng như hư không đâu có một mỗi ? Nếu chẳng biết rõ tất cả pháp đồng tính hư không, chấp có tướng trạng tiền cảnh để có thể thấy tùy tướng phát tâm, duyên theo trần khởi hạnh, chẳng thông đạt ý chỉ đồng thể, phải rơi vào hữu vi, đều thành ái kiến đại bi, cuối cùng sinh chán nản mệt mỏi. Nếu y theo Tông Cảnh, theo lời dạy mà tu hành, có một chút công phu đều hướng đến quả bồ-đề là dùng vô duyên mà duyên, hiển bày vô hóa mà hóa, nghĩa là chân tâm chúng sinh xứng lý bất khả đắc. Nếu vô duyên là vô hóa, nếu chân tâm tùy duyên chẳng hoại, duyên khởi thì có chỗ hóa, như thế thì chẳng phải hạnh chân thật vì không khế hợp chân như, chẳng phải chân thật khởi hạnh, chẳng theo hạnh hiển bày, bởi thể dung nạp hạnh mà nhân viên, hạnh gồm chân mà quả mãn. Lý hạnh gồm đủ, nhân quả đồng thời, viên giải viên tu mới thành Tông Cảnh. Lại hạnh Phổ Hiền này toàn là Phật trí, Phật trí là chân tâm. Như *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

*Phật trí rộng lớn đồng hư không,  
Trùm khắp tất cả tâm chúng sinh.  
Đều rõ các vọng tưởng thế gian,  
Chẳng khởi các thứ phân biệt khác.*

Toàn thể Phật trí là tâm chúng sinh, vọng tưởng thế gian đều từ tâm biến ra. Tâm năng biến đã là Phật trí, cảnh sở biến là thật chẳng ? Đã rõ vọng tưởng thế gian đều là không, trọn chẳng khởi dị kiến phân biệt là phàm, là Thánh, là có, là không v.v...

Lại thấu rõ vọng tưởng thế gian là như lượng trí, chẳng khởi phân biệt khác là như lý trí. Như lượng quán tục, như lý liễu chân. Lại tướng tức thể bao hàm là như lượng trí, thể tức tướng nhất vị là

như lý trí. Nếu lý lượng cùng tiêu mất mới khế hợp Phật trí. Thế nên nếu muốn chân tục song chiếu, nhân quả đều đủ, chẳng ra ngoài hai trí như lý, như lượng.

Như *luận Phật Tính* nói: “Hai trí lý lượng này có hai thứ tướng: một là vô trước, hai là vô ngại. Vô trước là thấy tự tính cõi chúng sinh thanh tịnh, là tướng của như lý trí. Vô ngại là có thể thông đạt quan sát vô lượng vô biên cảnh giới, là tướng của như lượng trí”.

Lại hai trí này có hai nghĩa: Như lý trí là nhân, như lượng trí là quả. Như lý là nhân, nghĩa là vì có thể tạo ra nhân sinh tử và niết-bàn. Như lượng là quả, nghĩa là vì biết nơi Như Lai đầy đủ thành tựu các pháp chân tục. Lại như lý trí là nhân thanh tịnh, như lượng trí là nhân viên mãn. Do nhờ như lý trí mà ba hoặc bị diệt sạch nên gọi là nhân thanh tịnh. Còn gọi là nhân viên mãn là vì do như lượng trí mà ba đức viên mãn. Cho nên biết thành Phật đều có hai trí. Như lý trí là thể của nhất tâm là nhân, như lượng trí là dụng của nhất tâm là quả. Do đó thể dụng tương tức, nhân quả đồng thời, trước sau linh hoạt đều đầy đủ nơi nhất tâm, cho đến pháp giới hiển hiện nơi hạt bụi; cõi báu hiện trên đầu lông đều là cảnh giới như lượng trong như lý trí. Nếu chỉ chứng như lý trí thì đại dụng Phổ Hiền chẳng thể hiện tiền. Nếu chỉ hành như lượng tông thì chính trí Văn-thù chẳng thể cứu cánh. Đầy đủ hai môn này mới thấu rõ Tông Cảnh, do đó Thiện Tài trong một đời có thể hoàn tất công hạnh nhiều kiếp.

Người xưa giải thích: Nhờ năng lực thiện hữu của tiên nhân Tỳ Mục, trong chớp mắt Thiện Tài thấy trải qua số kiếp như vi trần tu hành không mệt mỏi. Cho nên biết sức thần thông của tiên nhân có thể làm thời gian dài ngắn tự tại như ở thế gian có Vương Chất gặp tiên Chi Kỳ khiến cho chiếc cán búa phải mục nát trong ba năm thu ngắn trong khoảng bữa ăn, đó là đã có thể biến dài làm ngắn, cũng có thể biến ngắn làm dài. Như Châu Mục đi theo người huyện tuy trải qua nhiều năm mà thực ra chỉ trong chớp mắt, vì thế không nên lấy thời gian dài ngắn, chỗ rộng hẹp mà quyết định ý nghĩa ấy.

Cho nên biết tùy tâm chuyển biến chẳng nhất định dài ngắn, tâm dài thì dài, tâm ngắn thì ngắn; dài ngắn là do tâm, chẳng phải ở nơi thời gian; tất cả muôn pháp đều do tâm tạo thành, là tâm suy lường tính toán đều mất tông chỉ.

-----